

Số: 1864/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

Công trình: Đường Sơn Thượng - Sơn Tinh, huyện Sơn Hà

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV
ĐẾN
Số: 9260
Ngày: 10/10/17
Chuyên:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 684a/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường Sơn Thượng - Sơn Tinh, huyện Sơn Hà;

Xét đề nghị của UBND huyện Sơn Hà tại Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 11/9/2017 về việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng dự án: Đường Sơn Thượng - Sơn Tinh, huyện Sơn Hà và Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Báo cáo kết quả thẩm định số 2640/SGTVT-QLCL ngày 03/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường Sơn Thượng - Sơn Tinh, huyện Sơn Hà, với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Đường Sơn Thượng - Sơn Tinh, huyện Sơn Hà.

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Sơn Hà.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Nhằm thực hiện tốt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, từng bước thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo theo Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi; tạo thuận lợi cho người dân trong vùng đi lại, nhất là vào những ngày mưa lũ; từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn huyện Sơn Hà, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

4. Nội dung và quy mô đầu tư:

TT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị	Thông số
1	Cấp thiết kế đường (TCVN4054-2005)		Cấp V - miền núi
2	Chiều dài tuyến	m	6.017
3	Tốc độ thiết kế	Km/h	30
4	Bề rộng nền đường	m	$B_{\text{nền}}=3,5+1.5 \times 2=6,5\text{m}$
	Bề rộng mặt đường + Lề gia cố BTXM	m	$B_{\text{mặt}}=3,5+1 \times 2=5,5\text{m}$
	Bề rộng lề đường đất	m	$B_{\text{lề}}=2 \times 0,5\text{m} = 1\text{m}$
	Độ dốc ngang mặt đường + Lề gia cố	%	2
	Độ dốc ngang lề đường đất	%	4
5	Kết cấu mặt đường + lề gia cố (đoạn Km1+567 – Km4+367)		BTXM M350 dày 22cm
6	Độ dốc dọc lớn nhất	%	10 (Châm chước 11)
7	Độ dốc siêu cao lớn nhất	%	6
8	Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất R_{min}	m	30
9	Tải trọng		
9.1	Tuyến	T	10
9.2	Công trình trên tuyến		
	Công qua đường		H30-XB80
10	Tần suất thiết kế (tuyến, công trình trên tuyến)	%	4
11	Hệ thống an toàn giao thông		

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc.

6. Chủ nhiệm lập dự án: Ks. Võ Duy Thiện.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Diện tích sử dụng đất: 10,55 ha.

9. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

10. Số bước thiết kế: 02 bước.

11. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):

a) Bình đồ: Bình đồ tuyến được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp V miền núi, chủ yếu bám theo nền đường cũ, có một số vị trí chỉnh tuyến để đảm bảo các thông số kỹ thuật và mỹ quan của tuyến đường.

b) Trắc dọc: Thiết kế đường đò theo nguyên tắc tuân thủ theo tiêu chuẩn TCVN4054-2005, đồng thời phải đảm bảo đi qua các điểm khống chế cao trình như điểm đầu tuyến, cuối tuyến và đường ngang dân sinh.

c) Trắc ngang:

- Đối với đoạn Km1+567 - Km4+367: Bề rộng nền đường $B_n = 6,5\text{m}$, mặt đường $B_m = 3,5\text{m}$, lề đường gia cố $B_1 = 2 \times 1,0 = 2\text{m}$; lề đường đất: $2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$; Mặt đường và lề đường gia cố dốc 2 mái $I_m = 2\%$.

- Đối với đoạn đường đất (không có mặt đường): Bề rộng nền đường $B_n = 6,5\text{m}$, độ dốc 2 mái $i_m = 4\%$.

Khi vào đường cong trắc ngang thiết kế một mái với độ dốc siêu cao lớn nhất 6%, các tầm nhìn thiết kế phù hợp theo tốc độ xe chạy của cấp đường.

d) Nền đường:

- Nền đường đắp: Đối với đoạn Km1+567 - Km4+367: lớp trên cùng dày 30cm đầm chặt $K \geq 0,98$, lớp dưới đầm $K \geq 0,95$ sau khi đã bóc lớp hữu cơ; đối với đoạn còn lại đắp đất đòi đầm chặt $K \geq 0,95$ sau khi đã bóc lớp hữu cơ.

- Nền đường đào: Đối với đoạn Km1+567 - Km4+367 đào đúng cao trình thiết kế, đào khuôn đường và lu lèn chặt $K \geq 0,98$ và đạt $K \geq 0,95$ đối với đoạn còn lại.

- Gia cố mái taluy bằng BTXM tại các đoạn nền đường đắp cao và ở những đoạn đường hai đầu công.

e) Mặt đường và lề đường gia cố: Thiết kế mặt đường và lề đường gia cố bằng BTXM, có kết cấu như sau: Lớp mặt BTXM M350 dày 22cm; lớp giấy dầu dày 0,2mm; móng cấp phối đá dăm loại I D_{\max} 25 dày 15cm.

f) Nút giao thông: Nút giao thông trên tuyến được thiết kế giản đơn với nút giao thông cùng mức, được bố trí đảm bảo tầm nhìn êm thuận, an toàn giao thông và thoát nước tốt, kết cấu theo kết cấu của tuyến đường chính.

g) Rãnh thoát nước dọc: Thiết kế rãnh hình thang, hình chữ nhật; Rãnh hình thang được lắp ghép từ hai tấm bên được lắp ghép bằng tấm BTXM M200 dày 7cm (có vữa đệm M100). Kết hợp với đổ bê tông đáy rãnh tại chỗ M150 dày 12cm; tại các vị trí vào nhà dân được bố trí các tấm đan dầy bằng BTCT M250.

h) Thoát nước ngang: Trên tuyến thiết kế mới hoặc nối công, tổng cộng 33 công các loại gồm: 1 công V75cm; 4 công V100cm; 02 công V150cm; 11 công D100cm; 7 công D150; 2 công 2D150; 2 công H(2,5x2,5)m; 2 công 2H(3,0x3,0)m; 2 công 2H(3,5x3,5)m. Công tròn bằng BTCT M200, công vuông bằng BTCT M250, công hộp đổ tại chỗ bằng BTCT M300; Kết cấu tường đầu, tường cánh, hố thu, móng tường đầu, móng tường cánh; sân công và tường chắn tại vị trí công bằng bê tông M150.

i) Tường chắn:

- Tường chắn tạ luy dương: bằng tường chắn rọ đá PVC.

- Tường chắn tạ luy âm: bằng tường chắn bê tông.

j) Rãnh cơ và dốc nước: được thiết kế bằng bê tông M150 tại các vị trí đặt cơ.

k) Hệ thống an toàn giao thông: Hệ thống an toàn giao thông trên tuyến được thiết kế đảm bảo các yêu cầu quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT.

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có): Thực hiện theo mặt cắt ngang nền đường.

13. Tổng mức đầu tư dự án: **55.000.000.000 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 39.015.672.000 đồng.
- Chi phí bồi thường, GPMB: 3.483.818.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 834.880.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 2.942.351.000 đồng.
- Chi phí khác: 2.796.639.000 đồng.
- Chi phí dự phòng: 5.926.640.000 đồng.

14. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh được bố trí trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

15. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng huyện Sơn Hà.

16. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2018 - 2020 (khi bảo đảm khả năng cân đối đủ vốn đầu tư).

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt.

2. Thực hiện tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư theo Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Thực hiện các nội dung kiến nghị nêu tại Kết quả thẩm định dự án của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 2640/SGTVT-QLCL ngày 03/10/2017.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện Sơn Hà;
- VPUB: TH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.631.



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng